

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2023/DS-PT
Ngày 30 tháng 6 năm 2023
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Quách Tố Giang.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Minh Phượng;
ông Hoàng C Linh.

- **Thư ký phiên tòa:** ông Ngô Huỳnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ B số 98/2023/TLPT-DS ngày 28/4/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh An Giang bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 135/2023/QĐ-PT ngày 23/5/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐ-PT ngày 13/6/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông A, sinh năm 1986; nơi cư trú: 04/6 đường K, khóm H, thị trấn D, huyện E, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông A: ông D, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp B, xã C, huyện E, tỉnh An Giang, theo văn bản uỷ quyền ngày 14/3/2022, có mặt.

- **Bị đơn:** ông B, sinh năm 1979, có mặt; bà C, sinh năm 1984, vắng mặt; cùng nơi cư trú: số 135, tổ 04, ấp B2, xã M, huyện E, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông B, bà C: ông H, sinh năm 1979; nơi cư trú: ấp N, xã T, huyện E, tỉnh An Giang, theo văn bản uỷ quyền ngày 08/7/2022, có mặt.

Người kháng cáo: bị đơn ông B, bà C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/3/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông A và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông D trình bày: Do quen biết nên ông A có cho ông B, bà C vay tổng số tiền 800.000.000đ, lãi suất 1,2%/tháng, cụ thể các lần vay như sau: Lần thứ nhất vào ngày 15/01/2020 cho ông B, bà C vay số tiền 600.000.000đ, có làm biên nhận nợ, có đóng lãi được 02 tháng đến ngày 15/3/2020; lần thứ hai vào ngày 15/3/2020 cho ông B, bà C vay số tiền 200.000.000đ, có làm biên nhận nợ. Sau khi vay lần thứ hai đến nay, ông B không có đóng lãi. Khi vay, ông B nói vay để làm ăn, buôn bán thuốc tây, khi ký biên nhận nhận nợ do ông B ký. Ông A đã nhiều lần yêu cầu ông B, bà C trả tiền vay, nhưng cả hai cứ hẹn mà không thực hiện. Nay ông A yêu cầu ông B, bà C phải liên đới trả số nợ vốn 800.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/3/2020 đến khi giải quyết xong vụ án. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Biên nhận nợ ngày 15/01/2020 cho vay 600.000.000đ, Biên nhận nợ ngày 15/3/2020 cho vay 200.000.000đ.

Bị đơn ông B và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H trình bày: Thừa nhận ông B có ký và viết biên nhận 02 lần với tổng số tiền trong 02 biên nhận là 800.000.000đ. Tuy nhiên, do quen biết thân nên ông A có nhờ ông B làm biên nhận để làm tin với mục đích ông A mang tờ biên nhận này đi vay tiền của người khác. Ông B cho rằng đây là hợp đồng giả tạo, bản thân ông B không có nhận tiền vay từ ông A. Do đó, ông A yêu cầu vợ chồng ông B trả nợ vay vốn 800.000.000đ và tính lãi từ ngày 15/3/2020 đến khi giải quyết xong vụ án ông B không đồng ý.

Đối với yêu cầu liên đới của bà C, bà C không biết gì đối với việc vay giữa ông A và ông B nên ông A yêu cầu bà C liên đới với ông B trả nợ, bà C không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện E đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A.

Buộc ông B và bà C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông A số tiền 1.258.159.990đ (một tỷ hai trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng), trong đó tiền vốn vay là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng), tiền lãi là 458.159.990đ (bốn trăm năm mươi tám triệu một trăm năm mươi chín nghìn chín trăm chín mươi đồng) tạm tính đến ngày 31/01/2023.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, bị đơn ông B, bà C kháng cáo, yêu cầu xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn

giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông H trình bày tranh luận: ông B đã thừa nhận ký biên nhận vay tiền nên không tranh luận về nội dung này. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận nghĩa vụ liên đới của bà C.

Ông B không tranh luận bổ sung.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông D trình bày tranh luận: ông B và bà C là vợ chồng, do muốn trốn tránh nghĩa vụ trả nợ nên trình bày quanh co. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ chứng cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, từ khi thụ B vụ án phúc thẩm tới thời điểm này, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nguyên tắc xét xử đối với phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 64 BLTTDS và thành viên HĐXX, Thư ký phiên tòa đúng thành phần như nội dung quyết định đưa vụ án ra xét xử và Chủ tọa phiên tòa đã tiến hành đúng, đầy đủ thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm theo quy định Điều 297 BLTTDS.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 86 BLTTDS và chấp hành đúng nội quy phiên tòa được quy định Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: ông A đã giao cho ông B số tiền 800.000.000 đồng tại 02 Biên nhận nợ (Bút lục 03, 04), lãi suất 1,2%/tháng. Ông B đã nộp tiền lãi 02 tháng của số tiền 600.000.000 đồng vay ngày 15/01/2020. Từ ngày 15/03/2020, ông B không trả lãi nên ông A khởi kiện. Bị đơn ông B thừa nhận chữ viết, chữ ký nhưng khai nại là làm biên nhận để ông A vay tiền của người khác. Việc khai nại này, ông B không cung cấp được chứng cứ chứng minh và ông A không thừa nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền vay 800.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà C liên đới trả nợ là chưa có cơ sở vững chắc. Kháng cáo của bà C là có cơ sở.

Về lãi suất: lãi suất cho vay là 1,2%/tháng nhưng cấp sơ thẩm chấp nhận 20%/năm (1,66%/tháng) là không đúng, cần phải điều chỉnh, nên tiền lãi của số tiền 800.000.000 đồng từ ngày 15/03/2020 đến 31/01/2023 là 331.200.000 đồng. Án phí sơ thẩm ông B phải chịu là 45.936.000 đồng.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308

Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của ông B, bà C, sửa Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện E, buộc ông B phải trả cho ông A 1.131.200.000 đồng (nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi 331.200.000 đồng tạm tính đến 31/01/2023). Các phần còn lại của Bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông B, bà C kháng cáo và nộp tạm ứng áp phí trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại Điều 273, Điều 285 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bà C vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền là ông H, và đây là phiên tòa phúc thẩm đã mở lần thứ hai nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Các Biên nhận ngày 15/01/2020, 15/3/2020 thể hiện bên cho vay là A, bên vay là B, với tổng số tiền vay là 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 1,2%/tháng. Ông B thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình tại 02 Biên nhận. Lời khai nại về hợp đồng giả tạo của ông B không có chứng cứ chứng minh và không được ông A thừa nhận nên không có cơ sở xem xét. Như vậy, giữa ông A và ông B đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông A khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: mức lãi suất 1,2%/tháng do các bên thỏa thuận không vượt quá lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng) là không đúng, cần phải xem xét tính lại số tiền lãi đối với số tiền 800.000.000 đồng, tính từ ngày ông B vi phạm nghĩa vụ trả nợ (15/3/2020) đến ngày xét xử sơ thẩm (31/01/2023), cụ thể:

$800.000.000 \text{ đồng} \times 1,2\%/\text{tháng} \times 34 \text{ tháng} 15 \text{ ngày} = 331.200.000 \text{ đồng}.$

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mặc dù đây là khoản nợ ông B xác lập trong thời kỳ hôn nhân nhưng biên nhận không ghi rõ mục đích vay và ông A cũng không chứng minh được ông B vay tiền nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc các giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các Điều 24, 25, 26 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do vậy, không đủ căn cứ để buộc trách nhiệm liên đới của bà C cùng với ông B trả nợ cho ông A.

[2.4] Từ những căn cứ trên, kháng cáo của ông B và bà C có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện E, buộc ông B

phải trả cho ông A 1.131.200.000 đồng (nợ gốc 800.000.000 đồng và tiền lãi 331.200.000 đồng tạm tính đến 31/01/2023).

[3] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ông B phải chịu 45.936.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản B và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông B, bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 147, khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản B và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận kháng cáo của ông B, bà C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2023/DS-ST ngày 31/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện E.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông A đối với bị đơn ông B. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A đối với bị đơn bà C về trách nhiệm liên đới.

Buộc ông B có trách nhiệm trả cho ông A số tiền 1.131.200.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng), trong đó tiền vốn vay 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng) và tiền lãi 331.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi một triệu hai trăm ngàn đồng) tính đến 31/01/2023.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông B phải chịu số tiền 45.936.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông A số tiền 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003576 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông B và bà C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, mỗi người được nhận lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005278 và Biên lai thu số 0005277 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện E.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Tố Giang